

Bài 2

XU HƯỚNG TOÀN CẦU HOÁ, KHU VỰC HOÁ KINH TẾ

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS cần :

1. Kiến thức

– Trình bày được các biểu hiện của toàn cầu hoá, khu vực hoá và hệ quả của toàn cầu hoá, khu vực hoá.

– Biết lí do hình thành tổ chức liên kết kinh tế khu vực và đặc điểm của một số tổ chức liên kết kinh tế khu vực.

2. Kỹ năng

– Sử dụng bản đồ thế giới để nhận biết lãnh thổ của một số liên kết kinh tế khu vực.

– Phân tích bảng 2 để nhận biết các nước thành viên quy mô về số dân, GDP của một số tổ chức liên kết kinh tế khu vực.

3. Thái độ

Nhận thức được tính tất yếu của toàn cầu hoá, khu vực hoá. Từ đó, xác định trách nhiệm của bản thân trong sự đóng góp vào việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, xã hội tại địa phương.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC CẦN THIẾT

– Bản đồ Các nước trên thế giới.

– Lược đồ các tổ chức liên kết kinh tế thế giới, khu vực (GV có thể dùng kí hiệu để thể hiện trên nền lược đồ hành chính thế giới vị trí của các nước trong các tổ chức liên kết kinh tế khác nhau).

III. TRỌNG TÂM BÀI

Các biểu hiện và hệ quả của xu hướng toàn cầu hoá, khu vực hoá.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

MỤC I. XU HƯỚNG TOÀN CẦU HOÁ KINH TẾ

* **Hoạt động 1** : Tìm hiểu xu hướng toàn cầu hoá kinh tế

Bằng cách nêu các tác động của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại trên phạm vi toàn cầu, GV làm rõ nguyên nhân của toàn cầu hoá kinh tế. Sau đó hướng sự chú ý của HS vào các biểu hiện của toàn cầu hoá kinh tế.

– GV chia lớp thành các nhóm (mỗi nhóm khoảng 6 – 8 HS), yêu cầu mỗi nhóm nghiên cứu và trình bày trước lớp một biểu hiện của toàn cầu hoá. Trong quá trình các nhóm trao đổi, GV hướng dẫn HS khai thác kiến thức trong SGK, rút ra các kết luận cần thiết.

– Đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình, GV kết luận về từng biểu hiện của toàn cầu hoá, chú ý liên hệ với thực tế nước ta.

– Tiếp theo, GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm cặp đôi với nhiệm vụ : tham khảo thông tin trong SGK, nêu mặt tích cực và tiêu cực của toàn cầu hoá kinh tế. Liên hệ thực tế để thấy nước ta trong quá trình hội nhập toàn cầu gặp những thuận lợi và khó khăn gì.

MỤC II. XU HƯỚNG KHU VỰC HOÁ KINH TẾ

* **Hoạt động 2** : Tìm hiểu về xu hướng khu vực hoá kinh tế

– GV cho HS tìm các nước thành viên của một số tổ chức liên kết kinh tế khu vực trên bản đồ Các nước trên thế giới và dựa vào bảng 2 trong SGK để so sánh quy mô về dân số, GDP các khối với nhau.

– GV tiếp tục yêu cầu HS nêu những nguyên nhân làm cho các nước ở trong từng khu vực liên kết với nhau (có nét tương đồng về địa lí, văn hoá, xã hội ; chung mục tiêu và lợi ích phát triển,...).

– GV khái quát các ý kiến của HS thành khái niệm *khu vực hoá kinh tế*. Khu vực hoá được hiểu là một quá trình diễn ra những liên kết về nhiều mặt giữa các quốc gia nằm trong một khu vực địa lí, nhằm tối ưu hoá những lợi ích chung trong nội bộ khu vực và tối đa hoá sức cạnh tranh đối với các đối tác bên ngoài khu vực.

– GV hướng dẫn HS cả lớp cùng trao đổi : Khu vực hoá có những mặt tích cực nào và đặt ra những thách thức gì cho mỗi quốc gia ? Liên hệ Việt Nam trong mối quan hệ kinh tế với các nước ASEAN hiện nay.

V. THÔNG TIN

THỜI CƠ CỦA TOÀN CẦU HOÁ ĐỐI VỚI VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ KHÓ KHĂN CỦA ĐẤT NƯỚC KHI GIA NHẬP WTO

Từ ngày 11 tháng 1 năm 2007, Việt Nam chính thức là thành viên thứ 150 của WTO.

1. Thời cơ

– Mở rộng thị trường ra nước ngoài, tìm thị trường mới trên cơ sở các Hiệp định thương mại song phương, đa phương. Khi Việt Nam gia nhập WTO sẽ được hưởng quyền ưu đãi tối huệ quốc (MFN) và có nhiều thuận lợi về xuất khẩu hàng hoá vào các nước khác trong WTO.

- Có cơ hội thu hút vốn đầu tư nước ngoài.
- Có nhiều cơ hội tiếp nhận và đổi mới công nghệ, trang thiết bị.
- Mở cửa, tạo điều kiện phát huy nội lực.
- Có sự phân công lao động mới và chuyển dịch cơ cấu kinh tế diễn ra trên nhiều phương diện.

2. Những khó khăn, thách thức

- Thực trạng nền kinh tế nước ta có nhiều mặt lạc hậu so với khu vực và thế giới.
- Trình độ quản lí kinh tế nhìn chung còn thấp.
- Quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế còn chậm.
- Sử dụng các nguồn vốn còn kém hiệu quả.

THỬ NHẬN ĐỊNH VỀ TOÀN CẦU HOÁ

Tuy mới xuất hiện cách đây chừng hai thập niên, nhưng với sức lan toả rất mạnh mẽ, toàn cầu hoá đang trở thành một chủ đề được tranh cãi ở khắp mọi nơi, với những ý tưởng đối nghịch nhau một cách quyết liệt.

Nhiều người trong giới trí thức châu Âu chống toàn cầu hoá vì xem toàn cầu hoá cũng có nghĩa là "Mĩ hoá" nhằm áp đặt lên toàn thế giới mô hình "xã hội thị trường" và văn hoá tiêu thụ đại chúng "nông cạn" của Mĩ, làm mờ nhạt và thui chột các nền văn hoá dân tộc lâu đời. Các nước đang phát triển thì

chống lại những khía cạnh bất bình đẳng trong quan hệ mậu dịch thế giới (ví dụ như các nước Âu, Mĩ thì bảo hộ và yểm trợ nông nghiệp cho nông dân nước mình nhưng lại đòi các nước đang phát triển phải mở cửa thị trường và tôn trọng bảo vệ sở hữu trí tuệ), chống lại tính đầu cơ và bất ổn định trong việc tự do hoá dòng chảy tư bản ngắn hạn. Ở các nước công nghiệp phát triển, phong trào chống toàn cầu hoá lại đi từ những đòi hỏi phải bảo hộ mậu dịch chống các nước đang phát triển (qua những đòi hỏi về tiêu chuẩn lao động và môi trường của các công đoàn và tổ chức phi chính phủ) đến việc chống lại mọi nỗ lực cải cách trong nước vì nó đe dọa cắt giảm các phúc lợi xã hội mà hiện nay ngân sách quốc gia không còn đài thọ nổi vì công nợ đã quá lớn.

Ở Việt Nam, về đại thể có thể nêu lên hai xu hướng đối nghịch trong sự đánh giá về toàn cầu hoá :

Một là, toàn cầu hoá chẳng qua chỉ là, hoặc ít nhất chủ yếu là hậu quả về chính sách của vài siêu cường, trước hết là Mĩ muốn bành trướng sức mạnh và ảnh hưởng của mình ra toàn thế giới.

Hai là, toàn cầu hoá là xu thế khách quan không cưỡng lại được của thời đại, do sự phát triển của lực lượng sản xuất, của kinh tế và thị trường thế giới được thúc đẩy bởi những bước tiến như vũ bão của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại.

Dù dưới cách nhìn nhận nào thì toàn cầu hoá kinh tế là hiện tượng thực tế đang phát huy ảnh hưởng của nó, về chiều rộng cũng như về chiều sâu trên mọi châu lục, mọi quốc gia. Toàn cầu hoá là một hiện tượng "mở" đang vận động trên những chặng đường dài với biết bao diễn biến phức tạp và bất ngờ. Việt Nam cũng không nằm ngoài dòng thác của những biến động đó.

Có thể nói, bản chất của toàn cầu hoá là một cuộc chơi, là một trận đấu, ai thông minh sáng suốt thì được nhiều hơn mất, ai non kém, sơ hở thì mất nhiều hơn được, có thể "được – mất" rất lớn nhưng hầu như không thể được hết hoặc mất hết. Chỉ có một tình huống chắc chắn mất hết, đó là khi co mình lại, đóng cửa vào, cự tuyệt toàn cầu hoá, khước từ hội nhập. Nếu có điều này thì đó là chính sách tự sát. Đi ngược lại xu thế của thời đại, dẫu đó là một xu thế phức tạp chứa đựng cả mưu đồ đen tối của siêu cường này, cường quốc nọ... không bao giờ là dấu hiệu của sự sáng suốt.

Là xu thế của thời đại, cho dù là xu thế khách quan, song xét đến cùng thì toàn cầu hoá cũng là do con người tạo ra, là kết quả phức hợp của nhiều yếu tố

mà mỗi yếu tố cũng đều là sản phẩm của con người. Trong đó, có thể kể đến 3 yếu tố chính là : cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, nền kinh tế thị trường hiện đại, chính sách có tính toán của Mĩ, của các cường quốc khác, của mọi quốc gia lớn nhỏ trên toàn thế giới.

Có một thực tế không cần tranh cãi là nền kinh tế thực sự toàn cầu hoá (cạnh tranh toàn cầu trong thị trường đầu vào, đầu ra và tài sản doanh nghiệp) đã chiếm một nửa toàn bộ hoạt động kinh tế của loài người và đang tăng lên nhanh chóng, tác động trực tiếp và mạnh mẽ đến phần còn lại.

Hiện nay, thế giới có hơn 60 nghìn công ti xuyên quốc gia (so với 37 nghìn vào năm 1995), chiếm khoảng 65% tổng kim ngạch buôn bán của thế giới. Trong đó, 500 công ti xuyên quốc gia khổng lồ đã giành khoảng một nửa thị trường thế giới với khoảng từ 80 đến 90% công nghệ cao.

Những thành tựu của công nghệ tin học và viễn thông đã làm tăng vọt các năng lực sản xuất và các luồng thông tin, kích thích cạnh tranh, thu hẹp khoảng cách không gian và thời gian, tạo điều kiện cho quá trình toàn cầu hoá. Những thương vụ về ngoại tệ lớn gấp hơn trăm lần giá trị tất cả các trao đổi trên thế giới về của cải và dịch vụ. "Nền kinh tế Internet" được hình thành do sự tiến bộ vượt bậc và sự hội tụ của các ngành công nghệ tính toán, viễn thông, số thức và Internet cùng việc áp dụng phổ biến các công nghệ này trong mọi hoạt động kinh tế xã hội mà thương mại điện tử đang là một ví dụ điển hình. Ở đây, thể hiện rõ nhất những áp lực thôi thúc các doanh nghiệp phải nhanh chóng thích ứng và vận dụng sáng tạo các thành tựu kì diệu của công nghệ Internet.

Cũng cần thấy rằng toàn cầu hoá về tài chính có khả năng mang lại những nguồn vốn lớn cho các nước đang phát triển nếu các nước này biết cách khai thác một cách khôn ngoan, tận dụng được những cơ hội và tránh được những hiểm hoạ.

(Theo báo cáo của GS. Trương Lai, đọc tại Hội thảo Mùa Hè ở Đại học New York, từ ngày 7 đến 11 tháng 7 năm 2000).